

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15-01-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chí Lin
2. Bà Trần Thị Đồi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng— Thư ký Tòa án.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 984/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 390/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 214/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Phương L, sinh năm 1980 (vắng mặt)

**Bị đơn:** Ông Phạm Minh T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Phương L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Phương L với ông Phạm Minh T xác lập quan hệ vợ chồng có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2002 tại UBND xã B, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Trong thời gian chung sống bà L với ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến nên đã sống ly thân nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà L với ông T có hai con chung tên Phạm Quốc V, sinh ngày 09/02/2004 và Phạm Ngọc Minh C, sinh ngày

19/8/2008; các con hiện nay do bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung với nhau.

*Bị đơn ông Phạm Minh T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có văn bản ghi ý kiến nộp cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.*

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng bị đơn vắng mặt nên vụ án không hoà giải được và Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, bà L và ông T đều vắng mặt nhưng bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Bà Phạm Thị Phương L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Minh T. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “tranh chấp ly hôn”, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bà Phạm Thị Phương L, ông Phạm Minh T đều vắng mặt tại phiên toà, nhưng bà L có đơn đề nghị vắng mặt hợp lệ; còn ông T vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo Đơn khởi kiện và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tình cảm vợ chồng và con chung; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; không tranh chấp về tài sản chung và thừa nhận không có nợ chung với bị đơn. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Theo sự thừa nhận của bà L và Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 02/2002 ngày 27/12/2002 thì bà L và ông T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã b, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An vào ngày 27/12/2002 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L với ông T là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ, cãi nhau và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L với ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L đối với ông T.

[6] Về con chung: Theo Giấy khai sinh số 222/2008 ngày 31/8/2020 và Giấy khai sinh số 35 ngày 29/5/2013 của UBND xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa và sự thừa nhận của đương sự thì bà L với ông T có 02 con chung tên Phạm Quốc V, sinh ngày 09/02/2004 và Phạm Ngọc Minh C, sinh ngày 19/8/2008. Xét thấy, cháu Việt và cháu Châu hiện nay do bà L chăm sóc, nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của các cháu thì mong muốn được sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, nên bà L được quyền tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi: Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[8] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về nợ chung: Bà L trình bày không có nợ chung với nhau.

[10] Về án phí: Bà Phạm Thị Phương L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn; nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Tuyên xử;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phạm Thị Phương L đối với ông Phạm Minh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Phương L được ly hôn với ông Phạm Minh T.

Về nuôi con chung: Bà Phạm Thị Phương L và ông Phạm Minh T có 02 con chung tên Phạm Quốc V, sinh ngày 09/02/2004 và Phạm Ngọc Minh C, sinh

ngày 19/8/2008. Bà L đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà L được quyền tiếp tục nuôi cả 02 con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Thành không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nợ chung.

Về án phí: Bà Phạm Thị Phương L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0006430 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành án phí.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hoà;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Hựu Thạnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Phương**